

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 31/7/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	232.655	143.365	-	-	89.290	111.337	53.075	0	0	58.262	47,9	
A	VỐN TÍNH QUẢN LÝ	950	950	-	-	-	950	950	0	0	0	100,0	
	<i>Dự án tất toán, thanh toán khối lượng</i>												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nổi, Trương Chinh, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	VỐN TÍNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	142.415	142.415	-	-	-	52.125	52.125	0	0	-	36,6	
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	49.230	49.230	0	0	15.000	12.079	12.079	0	0	14.568	24,5	
*	<i>Giao thông</i>												
1	Làng nhựa đường trục áp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	790	790			450	0	0			378	0,0	
2	Làng nhựa đường trục áp đường số 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	725	725			320	388	388			314	53,6	
3	Làng nhựa đường trục áp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	460	460			450	460	460			450	100,0	
4	Làng nhựa đường trục áp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	245	245			220	245	245			220	100,0	
5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	260	260			310	260	260			310	100,0	
6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	255	255			230	255	255			230	100,0	
7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	735	735			900	345	345			900	46,9	
8	Làng nhựa đường trục áp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	835	835			380	426	426			372	51,0	
9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	300	300			295	300	300			295	100,0	
10	Làng nhựa đường trục áp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	470	470			450	470	470			450	100,0	
11	Làng nhựa đường trục áp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	535	535			490	532	532			490	99,3	
12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	175	175			170	175	175			170	100,0	
13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	355	355			330	355	355			330	100,0	
14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140	140			140	140	140			140	100,0	
15	Làng nhựa đường trục áp đường cấp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	565	565			500	564	564			500	99,9	
16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	290	290			270	290	290			270	100,0	
17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	300	300			270	300	300			270	100,0	
18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	135	135			130	135	135			130	100,0	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	120	120			110	120	120			110	100,0	
20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	90	90			80	90	90			80	100,0	
21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	310	310			270	310	310			270	100,0	
22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	380	380			340	380	380			340	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
23	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	455	455			300	455	455			300	100,0	
24	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	510	510			630	510	510			630	100,0	
25	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chứa và nhà bà Thìa) ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	310	310			290	260	260			290	84,0	
26	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	225	225			220	225	225			220	100,0	
27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	255	255			220	255	255			220	100,0	
28	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bôi)	135	135			125	135	135			125	100,0	
29	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đăng Văn Rảnh)	135	135			145	135	135			145	100,0	
30	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	390	390			360	390	390			360	100,0	
31	Làng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	170	170			165	170	170			165	100,0	
32	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	300	300			290	300	300			290	100,0	
33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	275	275			240	275	275			240	100,0	
34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	280	280			250	280	280			250	100,0	
35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	300	300			260	300	300			260	100,0	
36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	0				335	0	0			235		
37	Làng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	0				650	0	0			528		
38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	0				320	0	0			220		
39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	0				410	0	0			399		
40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	0				570	0	0			570		
41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đính, xã Thanh Đức	250	250			250	250	250			250	100,0	
42	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rông, xã Thanh Đức	435	435			410	435	435			410	100,0	
	NTM chưa phân khai chi tiết	28.275	28.275										
43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	700	700			600	654	654			600	93,5	
44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	0				640	0	0			640	#DIV/0!	
45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	510	510			215	510	510			202	100,0	
46	BTXM đường liên tổ 11-12-9 (hộ Nguyễn Văn Lặc đến hộ bà Phạm Thị Dén) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	450	450				0	0				0,0	
47	BTXM đường liên tổ 15-16-17 (hộ Trần Văn Nhã đến hộ ông Nguyễn Văn Thông) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	400	400				0	0				0,0	
48	BTXM đường liên tổ 11-13 (hộ Lê Thị Nhớ đến hộ ông Nguyễn Hoàn Tuấn) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	350	350				0	0				0,0	
49	BTXM đường liên tổ 14-15 (hộ Phạm Văn Bạch đến hộ ông Nguyễn Văn Thanh) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	300	300				0	0				0,0	
50	Làng nhựa đường trục ấp đường số 5 ấp Xóm Bò, xã Hiệp Thạnh	1.500	1.500				0	0				0,0	
51	BTXM đường trục ấp đường số 4 ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	1.000	1.000				0	0				0,0	
52	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 3, tổ 4 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thạnh	850	850				0	0				0,0	
53	BTXM đường trục ấp đường đối diện VP ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	450	450				0	0				0,0	
54	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 4 (2 nhánh) ấp Cây Đa, xã Hiệp Thạnh	250	250				0	0				0,0	
55	Nâng cấp cáp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 02 ấp Cầu Sắt xã Thanh Đức	300	300				0	0				0,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
56	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 03 Đồng lúa gieo áp Rộc B xã Thanh Đức	1.000	1.000				0	0				0,0	
II	Chỉnh trang đô thị	60.000	60.000	0	0	0	28.524	28.524	0	0	0	47,5	
	<i>Dự án khởi công mới 2024</i>												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	57.000	57.000				25.524	25.524				44,8	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	3.000	3.000				3.000	3.000				100,0	
III	Hỗ trợ khác	16.700	16.700	0	0	0	6.785	6.785	0	0	0	40,6	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
1	Trường Trung học cơ sở Thanh Đức	10.000	10.000				85	85				0,9	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				6.700	6.700				100,0	
IV	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn 2021-2025	6.485	6.485	0	0	0	4.736	4.736	0	0	0	73,0	
	<i>Dự án khởi công mới 2024</i>												
1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	1.835	1.835				1.303	1.303				71,0	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	1.550	1.550				1.139	1.139				73,5	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	1.550	1.550				1.101	1.101				71,1	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				1.193	1.193				76,9	
V	Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	10.000	10.000				0					0,0	
C	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN	89.290	-	-	-	89.290	58.262	0	0	0	58.262	65,3	
I	Nguồn cân đối ngân sách	12.190	0	0	0	12.190	5.144	0	0	0	5.144	42,2	
a	Ngân sách cấp huyện	11.190	0	0	0	11.190	5.144	0	0	0	5.144	46,0	
1	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học	3.000	0	0	0	3.000	2.239	0	0	0	2.239	74,6	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đà Hång	1.500				1.500	803				803	53,5	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bàu Đôn	800				800	800				800	100,0	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	200				200	137				137	68,4	
1.4	Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thành	500				500	500				500	100,0	
2	Chuẩn bị đầu tư	600	0	0	0	600	450	0	0	0	450	75,0	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	150				150	150				150	100,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	150				150	150				150	100,0	
2.3	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	150				150	100,0	
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	0				0	0,0	
3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	7.590	0	0	0	7.590	2.455	0	0	0	2.455	32,3	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	700				700	0				0	0,0	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700				700	0				0	0,0	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	700				700	0				0	0,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	700				700	0				0	0,0	
3.5	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	1.215				1.215	60,8	
3.6	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thanh, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	876				876	43,8	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790				790	363				363	46,0	
b	Ngân sách cấp xã	1.000				1.000	0					0,0	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	70.000	0	0	0	70.000	48.247	0	0	0	48.247	68,9	
1	Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành	10.000	0	0	0	10.000	9.821	0	0	0	9.821	98,2	
*	<i>Các công trình xây dựng nông thôn mới (Mã CMTT giao thông, điện chiếu sáng, kênh thủy lợi- 00492; văn hóa-00496; thể dục thể thao -00495)</i>												
1.1	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường tổ 17-18 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	80				80	77				77	95,9	
1.2	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường tổ 11-21 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	62				62	59				59	95,7	
1.3	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 13-16 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	419				419	406				406	96,8	
1.4	Làng nhựa đường trục ấp đường hẻm 52 - HL 1 ấp Cây Xoài, xã Thanh Phước	395				395	385				385	97,4	
1.5	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	29				29	22				22	74,2	
1.6	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 11-12-13 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	168				168	163				163	96,7	
1.7	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 5-6-12 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	130				130	122				122	94,2	
1.8	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	405				405	390				390	96,3	
1.9	Nâng cấp bê tông xi măng đường trục ấp đường hẻm 130 đường Cầu Sao - Xóm Đông, xã Thanh Phước	46				46	44				44	95,7	
1.10	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 ấp Rỗng Tương, xã Thanh Phước	48				48	48				48	100,0	
1.11	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường hẻm 154 đường Cầu Sao Xóm Đông, xã Thanh Phước	165				165	161				161	97,9	
1.12	Làng nhựa đường trục ấp đường hẻm 34 ấp Rỗng Tương, xã Thanh Phước	163				163	159				159	97,7	
1.13	Bê tông xi măng đường hẻm 77 đường Cầu Sao Xóm Đông ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	55				55	52				52	93,8	
1.14	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường hẻm 69 - Quốc lộ 22, xã Thanh Phước	184				184	180				180	97,6	
1.15	Nâng cấp bê tông xi măng đường trục ấp đường hẻm 46 - Quốc Lộ 22, xã Thanh Phước	52				52	49				49	93,4	
1.16	Bê tông xi măng đường hẻm 91 đường Cầu Sao Xóm Đông ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	41				41	38				38	92,5	
1.17	Bê tông xi măng đường hẻm 262 - QL22 ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước	41				41	38				38	92,5	
1.18	Bê tông xi măng đường tổ 10 ấp Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	71				71	69				69	97,0	
1.19	Bê tông xi măng đường tổ 19-20 ấp Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	162				162	158				158	97,8	
1.20	Hệ thống chiếu sáng công cộng, trồng cây xanh và gỡ giảm tốc các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Thanh Phước	150				150	150				150	100,0	
1.21	Làng nhựa đường trục ấp đường số 8 - QL22B ấp Bông Trang, xã Thanh Đức	16				16	12				12	70,7	
1.22	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 10 ấp Trà Vỡ, xã Thanh Đức	97				97	93				93	96,5	
1.23	Bê tông xi măng đường trục ấp đường số 38 QL 22B, ấp Bến Mương, xã Thanh Đức	60				60	57				57	94,7	
1.24	Làng nhựa đường trục ấp đường số 32 - QL22B ấp Bến Mương, xã Thanh Đức	87				87	77				77	88,0	
1.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 12+14 ấp Bến Chò, xã Thanh Đức	16				16	6				6	36,2	
1.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 01+03 ấp Bến Rông, xã Thanh Đức	9				9	0				0	0,0	
1.27	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 7 ấp Đường Long xã Thanh Đức	17				17	11				11	64,8	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.28	Làng nhựa đường trục áp đường số 9 ấp Xóm Bó, xã Hiệp Thạnh	77					77	63			63	81,7	
1.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp tổ 24+31 (2 Nhánh) ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thạnh	3					3	0			0	0,0	
1.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường tổ 1,2 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thạnh	225					225	220			220	97,8	
1.31	Bê tông xi măng đường trục áp đường tổ 8 ấp Xóm Bó, xã Hiệp Thạnh	100					100	100			100	100,0	
1.32	Sửa chữa đảm bảo giao thông các tuyến đường ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch (đường số 18, đường số 20, đường số 22, đường số 37, đường số 33, đường số 29+31)	270					270	267			267	99,0	
1.33	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường số 5-782, 21-782; 22-782; 23-782; 8-HL1, xã Phước Đông	140					140	138			138	98,4	
1.34	Nhà văn hóa - Thể thao ấp 4	85					85	82			82	96,4	
1.35	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Thanh Đức	530					530	530			530	100,0	
1.36	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Hiệp Thạnh	100					100	100			100	100,0	
1.37	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Trạch	140					140	140			140	100,0	
1.38	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Thạnh	270					270	270			270	100,0	
1.39	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Cẩm Giang	350					350	347			347	99,1	
*	<i>Các công trình phát triển kinh tế - xã hội</i>						0						
1.40	Sửa chữa trường Mẫu Giáo Phước Đông (Điểm lẻ)	80					80	80			80	100,0	
1.41	Sửa chữa trường Tiểu học Thị Trấn	130					130	130			130	100,0	
1.42	Sửa chữa trường Mầm non Trần Thị Sanh	130					130	129			129	99,0	
1.43	Nhà làm việc công an xã Hiệp Thạnh	500					500	500			500	100,0	
1.44	Nhà làm việc công an xã Phước Trạch	500					500	500			500	100,0	
1.45	Nhà làm việc công an xã Cẩm Giang	400					400	400			400	100,0	
1.46	Nhà làm việc công an xã Thanh Đức	500					500	500			500	100,0	
1.47	Nhà tang lễ huyện Gò Dầu	2.000					2.000	2.000			2.000	100,0	
1.48	Cải tạo 02 hạng mục phụ Ban Chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	150					150	150			150	100,0	
1.49	Xây mới hàng rào nhà làm việc Tiểu đội dân quân thường trực Khu liên hợp Phước Đông	150					150	150			150	100,0	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đổi ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh)	1.000					1.000	80			80	8,0	
3	Đổi ứng xây dựng nông thôn mới	15.000	0	0	0	15.000	14.568	0	0	0	14.568	97,1	
<i>Giao thông</i>													
3.1	Làng nhựa đường trục áp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	450					450	378			378	84,0	
3.2	Làng nhựa đường trục áp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	320					320	314			314	98,1	
3.3	Làng nhựa đường trục áp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	450					450	450			450	100,0	
3.4	Làng nhựa đường trục áp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	220					220	220			220	100,0	
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	310					310	310			310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	230					230	230			230	100,0	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	900					900	900			900	100,0	
3.8	Làng nhựa đường trục áp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	380					380	372			372	97,9	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	295					295	295			295	100,0	
3.10	Làng nhựa đường trục áp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	450					450	450			450	100,0	
3.11	Làng nhựa đường trục áp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	490					490	490			490	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	170				170	170				170	100,0	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	330				330	330				330	100,0	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	140				140	140				140	100,0	
3.15	Lãng nhưa đường trục áp đường cấp vãn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	500				500	500				500	100,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thanh	270				270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	270				270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	130				130	130				130	100,0	
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	110				110	110				110	100,0	
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh đường Phước Thanh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	80				80	80				80	100,0	
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thanh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà tro Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	270				270	270				270	100,0	
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thanh	340				340	340				340	100,0	
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh (nhà ông Đắc)	300				300	300				300	100,0	
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thanh	630				630	630				630	100,0	
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chùa và nhà bà Thia) ấp Phước Hội A, xã Phước Thanh	290				290	290				290	100,0	
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	220				220	220				220	100,0	
3.27	BTXM đường trục áp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	220				220	220				220	100,0	
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bôi)	125				125	125				125	100,0	
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Rảnh)	145				145	145				145	100,0	
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	360				360	360				360	100,0	
3.31	Lãng nhưa đường trục áp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	165				165	165				165	100,0	
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	290				290	290				290	100,0	
3.33	BTXM Đường trục áp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	240				240	240				240	100,0	
3.34	BTXM đường trục áp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	250				250	250				250	100,0	
3.35	BTXM đường trục áp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	260				260	260				260	100,0	
3.36	BTXM đường và mương đường trục áp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	335				335	235				235	70,1	
3.37	Lãng nhưa đường trục áp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	650				650	528				528	81,2	
3.38	BTXM đường và mương đường trục áp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	320				320	220				220	68,8	
3.39	BTXM đường trục áp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	410				410	399				399	97,2	
3.40	BTXM đường trục áp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	570				570	570				570	100,0	
3.41	BTXM đường trục áp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thanh Đức	250				250	250				250	100,0	
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rông, xã Thanh Đức	410				410	410				410	100,0	
	<i>Chiều sáng - cây xanh</i>												

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/7/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	600				600	600				600	100,0	
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	640				640	640				640	100,0	
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	215				215	202				202	94,0	
4	Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác	44.000	0	0	0	44.000	23.778	0	0	0	23.778	54,0	
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	28.000				28.000	19.856				19.856	70,9	
4.2	Sở chỉ huy thống nhất huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	4.000				4.000	0				0	0,0	
4.3	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000				6.000	305				305	5,1	
4.4	Nâng cấp và mở rộng cầu Thi, xã Hiệp Thạnh	5.000				5.000	2.618				2.618	52,4	
4.5	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000				1.000	1.000				1.000	100,0	
III	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất	5.000	0	0	0	5.000	2.771	0	0	0	2.771	55,4	
1	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tư, xã Phước Trach	5.000				5.000	2.771				2.771	55,4	
IV	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)	2.100				2.100	2.100				2.100	100,0	

Gò Dầu, ngày 5 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thái Bình